GREENFIELD SCHOOL

Happy School - an education from the heart within

Cambridge Assessment International Education

Cambridge International School

KIỂM TRA 15 PHÚT

MÔN TIN HỌC - KHỐI 10 CLC

Con hãy chọn 1 đáp án đúng

Ý nghĩa của thao tác sau: Chọn văn bản -> Home -> Font style: Double Underline?

A. Văn bản chuyển sang màu xanh

B. Văn bản chuyển thành chữ nghiêng

C. Văn bản chuyển thành chữ gạch chân

C. Văn bản chuyển thành chữ đậm

Biểu tượng để thực hiện chức năng Line Spacing?



A B C D

Thao tác sau: Nhấn chuột phải vào Style -> Modify dùng để?

A. Chèn thêm Style

B. Áp dụng Style

C. Xóa Style

D. Hiệu chỉnh Style

Thao tác nào để đặt thuộc tính cho tệp (Properties)?

A. File -> Info -> Properties

B. Home -> Properties

C. File -> Option -> Properties

D. View -> Properties

Chức năng File -> Option dùng để?

A. Đặt thuộc tính cho văn bản

B. Lưu bài

C. Thiết lập tùy chọn

D. Định dạng văn bản

Biểu tượng tương ứng với chức năng Font style: Bold?



A B C D

LIVEWORKSHEETS

Kết quả của thao tác sau: File -> Info -> Protect document -> Encrypt with password -> Gõ 123?

A. Đặt mật khẩu mở tệp là 234

B. Đặt mật khẩu mở tệp là 123

C. Đặt mật khẩu chỉnh sửa tệp 123

D. Đặt mật khẩu chỉnh sửa tệp 345

Chức năng nào không nằm trong thẻ File

A. Properties

B. Info

C. Save As

D. Format Painter

Biểu tượng nào tương ứng với chức năng Format Painter?



A B C D

Ý nghĩa của thao tác sau: Chọn văn bản -> Home -> Line Spacing: 1.5 lines?

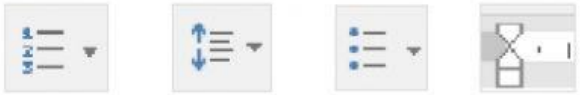
A. Định dạng khoảng cách giữa các dòng là 1.5 line

B. Định dạng khoảng với đoạn trên là 1.5 line

C. Định dạng khoảng với đoạn dưới là 1.5 line

C. Định dạng cỡ chữ là 1.5 line

Bạn sẽ nhấn vào biểu tượng nào để thực hiện yêu cầu sau: Create a bulleted list, Type: Checkmarks?



A B C D

Thẻ nào chữ biểu tượng sau  **?**

A. File

B. Page Layout

C. Design

D. Home

Ý nghĩa của chức năng Format Painter?

A. Định dạng chữ đậm

B. Định dạng hình vẽ

C. Sao chép định dạng

D. Định dạng tranh

LIVEWORKSHEETS

Biểu tượng nào để thực hiện yêu cầu: Format paragraph "The Journey ... The Climax"; Aligment: Left



A B C D

Sắp xếp các bước để thực hiện yêu cầu: Format paragraph "The Journey ... The Climax"; Aligment: Center.

1. Nhấn thẻ Home
2. Chọn văn bản "The Journey ... The Climax"
3. Nhấn biểu tượng 

A. 3 -> 1 -> 2
B. 2 -> 1 -> 3
C. 1 -> 2 -> 3
D. 1 -> 3 -> 2

Chức năng Restrict Editing dùng để?

A. Đặt mật khẩu mở tệp
B. Mở tệp
C. Đặt mật khẩu chỉnh sửa tệp
D. Chỉnh sửa tệp

Thẻ nào dùng để thực hiện chức năng Mark file as Final?

A. File
B. Page Layout
C. Home
D. Design

Sắp xếp các bước thực hiện thực hiện chức năng Format Painter?

1. Nhấn biểu tượng 
2. Nhấn thẻ Home
3. Chọn văn bản mẫu
4. Chọn văn bản cần định dạng

A. 3 -> 2 -> 1 -> 4
B. 2 -> 1 -> 3 ->4
C. 3 -> 2 -> 4 -> 1
D. 1 -> 3 -> 2 -> 4

LIVEWORKSHEETS

Để thực hiện chức năng sau bạn nhấn thẻ nào: Add a page border to a document ; Setting: Box?

A. File
B. Page Layout
C. Design
D. Home

Sắp xếp các bước thực hiện thực hiện chức năng sau: Add the text Tên học sinh - 10A... text watermark to the Background document?

1. Gõ nội dung: Tên học sinh - 10A...
2. Nhấn Watermark -> Custom Watermark
3. Nhấn thẻ Design

A. 2 -> 1 -> 3
B. 3 ->2 -> 1
C. 1-> 2 -> 3
D. 1 -> 3 -> 2

Để thực hiện yêu cầu sau bạn nhấn vào thẻ nào: Change the properties of document; Title: "Tên học sinh - 10A..."?

A. File
B. Page Layout
C. Home
D. Design

Để thực hiện yêu cầu sau bạn nhấn vào thẻ nào: Apply a style to selection of text " With the Room Planner ... location guide"; Style: Heading 1

A. File
B. Page Layout
C. Home
D. Design

Chức năng Style Sets nằm ở thẻ nào?

A. Design
B. Page Layout
C. File
D. Home

Chức năng nào nằm trong thẻ Home?



A B C D

LIVEWORKSHEETS

Kết quả của thao tác sau: Design -> Theme -> Ion?

A. Đặt đường viền trang là Ion
B. Đặt Font chữ là Ion
C. Đặt hình mờ
D. Đặt chủ đề tài liệu là Ion

Biểu tượng nào tương ứng với yêu cầu sau: Change the background color is Dark Teal, Text 2, Lighter 60%?



A B C D

Kết quả của thao tác sau: Page Layout -> Orientation -> Landscape?

A. Đặt đường viền trang
B. Xoay hướng giấy ngang
C. Đặt lề trang văn bản
D. Xoay hướng giấy dọc

Sắp xếp các bước thực hiện thực hiện chức năng sau: Insert a Break ; Before the paragraph " *The most successful ....* " ; Next Page

1. Nhấn Break
2. Nhấn Next Page
3. Đặt chuột trước "*The most successful ....* "
4. Nhấn thẻ Page Layout

A. 2 -> 3 -> 4 -> 1
B. 3 ->2 -> 1 -> 4
C. 1-> 2 -> 3 -> 4
D. 3 ->4 -> 1 -> 2

Thao tác nào dùng để đặt lề giấy là Narrow

A. Home -> Margins -> Narrow
B. Design -> Margins -> Narrow
C. Page Layout -> Narrow -> Margins
D. Page Layout -> Margins -> Narrow

LIVEWORKSHEETS

Sắp xếp các bước thực hiện thực hiện yêu cầu sau: Format the document into column ; The text *"Each year Lucerne has .... young adult fantasy books"* ;Three column

1. Nhấn thẻ Page Layout

2. Nhấn Columns

3. Nhấn Three

4. Chọn văn bản *"Each year Lucerne has .... young adult fantasy books"*

A. 2 -> 3 -> 4 -> 1 **B. 3 ->4 -> 1 -> 2**

C. 4-> 1 -> 2 -> 3 **D. 4 ->1 -> 3 -> 2**

LIVEWORKSHEETS